

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Nữ sĩ

HỒ XUÂN HƯƠNG (1772 - 1822)

DANH NHÂN VĂN HÓA VÀ GIÁ TRỊ DI SẢN

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

I



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Nũ sĩ

HỒ XUÂN HƯƠNG (1772 - 1822)

DANH NHÂN VĂN HÓA VÀ GIÁ TRỊ DI SẢN

(THAM LUẬN)

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

I

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

BAN BIÊN TẬP

- ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao
- Trưởng ban
- PGS.TS. Bện Minh Điền Giảng viên cao cấp Trường Đại học Vinh
- Phó Trưởng ban
- PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn Nguyên Phó Viện trưởng Viện Văn học,
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
- Thành viên
- ThS. Bùi Công Vinh Phó Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao
- Thành viên
- TS. Trần Đình Hằng Phân viện trưởng Phân viện Văn hóa Nghệ thuật
quốc gia Việt Nam tại thành phố Huế
- Thành viên
- Nhà nghiên cứu Trần Đình Tuấn Ban Vận động xây dựng hồ sơ Hồ Xuân Hương
- Thành viên
- ThS. Phan Thị Anh Trưởng Phòng Quản lý Di sản văn hóa,
Sở Văn hóa và Thể thao - Thành viên.

GIỌNG ĐIỆU THƠ NÔM HỒ XUÂN HƯƠNG

TS. Nguyễn Thị Thanh Trâm

(Trường Đại học Vinh)

Nguyễn Thị Ngân Hà

(Trường THCS Võ Trường Toản, TP. Hồ Chí Minh)

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu giọng điệu thơ Nôm Hồ Xuân Hương theo cách nhìn của thi pháp học; trình bày ba biểu hiện chủ yếu của giọng điệu ấy; lý giải nguyên nhân tạo thành, khẳng định những cách tân so với các tác giả trước đó và đương thời; từ đó, khẳng định giá trị, tư tưởng hiện đại trong thơ nữ sĩ.

Từ khóa: giọng điệu thơ Nôm, thơ Nôm Hồ Xuân Hương, nữ sĩ.

Abstract:

The article deals with the tone of Ho Xuan Huong's hieroglyphy poetry from the point of versification. Presenting three main expressions of this tone, the author tries to explain reasons for its formation and confirm innovation in comparison with the previous and contemporary authors. From there, the value and modern thought of her poems are confirmed.

Keywords: Nom poetry tone, Ho Xuan Huong's Nom poetry, female singer.

TOÀN VĂN:

Hồ Xuân Hương là một hiện tượng độc đáo của văn học Việt Nam và của cả văn học thế giới. Sự độc đáo thể hiện ngay cả ở những nghi vấn về thân thế, sự nghiệp cũng như nhiều giai thoại truyền tụng về bà, nhưng cái làm nên tầm vóc, danh tiếng lớn trước hết và chủ yếu là ở trước tác văn chương của người phụ nữ không hổ với danh xưng là Bà chúa thơ Nôm. Điều làm nên giá trị lớn của thơ bà khiến cả thế giới phải kinh ngạc và khâm phục là tư tưởng nữ quyền, khát vọng giải phóng bản ngã của

một người phụ nữ luôn ý thức khẳng định mình, khao khát vượt lên mọi rào cản định kiến xã hội để sống cuộc đời hạnh phúc trọn vẹn đúng nghĩa. Thông thường, những hiện tượng văn học càng lạ, độc đáo càng khó nắm bắt. Thơ Xuân Hương cũng kén độc giả. Trước đây, nhiều người “ngại” thơ bà vì cho đó là loại thơ “dâm, tục”. Một số khác lại lấy nó làm trò giải trí vui vẻ như một loại tiểu lâm. Những độc giả tinh tường hơn đã khẳng định giá trị thẩm mỹ trong thơ nữ sĩ. Tuy nhiên để làm nổi bật những giá trị đích thực, độc đáo trong thơ bà không phải là việc dễ dàng. Ở tham luận này, chúng tôi mong muốn thông qua việc nghiên cứu giọng điệu với tư cách là một thành tố quan trọng cấu thành phong cách nghệ thuật làm nổi bật giá trị đích thực của thơ bà, góp phần định hình phong cách tác giả Hồ Xuân Hương cũng như thấy được tầm vóc, giá trị tư tưởng lớn trong thơ của nữ sĩ.

Cái độc đáo trước hết trong thơ Hồ Xuân Hương là toàn bộ thi phẩm thực sự là một hệ thống thẩm mỹ mới mẻ. Một phong cách tác giả bao giờ cũng phải tạo được sự thống nhất trong sáng tác của người đó. Nhưng ở Hồ Xuân Hương, sự thống nhất này thật đặc biệt. Giá trị ý nghĩa của thơ bà toát lên trong toàn bộ hệ thống văn bản. Nhiều bài có yếu tố tục, nếu tiếp cận chúng một cách hời hợt, biệt lập thì dường như người đọc chỉ thấy ở đó tiếng cười mua vui, nghịch ngợm, thậm chí suồng sã, cợt nhả, từ đó dễ có ấn tượng thơ bà là thơ dâm, thơ tục. Nhưng nếu xét trong toàn bộ hệ thống, yếu tố “tục” được lặp lại ở hầu hết các bài thơ. Sự lặp lại đó là một tín hiệu nghệ thuật độc đáo, một hình tượng tâm lý thể hiện khát vọng tình yêu nhục thể, khát vọng thoả mãn nhu cầu tình cảm tự nhiên đã trở thành nỗi ám ảnh trong thơ bà. Đây cũng chính là cảm hứng chủ đạo bao trùm toàn bộ thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Vì thế, chúng tôi đề xuất việc nghiên cứu thơ Hồ Xuân Hương cần tiếp cận trên quan điểm tính hệ thống, chỉnh thể. Nghiên cứu giọng điệu nghệ thuật - một phạm trù hình thức mang tính quan niệm, chi phối và xuyên suốt toàn bộ thi phẩm và phong cách tác giả - là một cách tiếp cận từ quan điểm hệ thống nói trên.

Giọng điệu là một phạm trù của thi pháp học, là phương diện quan trọng cấu thành hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học, thứ hình thức mang “tính quan niệm” (Trần Đình Sử). Trong tác phẩm, nhà văn xây dựng hình tượng giọng điệu nhằm biểu hiện thái độ tình cảm, tư tưởng, cái nhìn, tư thế của mình. Trong thơ trữ tình, giọng điệu được xem là hồn cốt, hình tượng nghệ thuật xuyên suốt và đóng vai trò chủ đạo trong việc biểu hiện cái tôi trữ tình nhà thơ. Tìm hiểu giọng điệu trong thơ Hồ Xuân Hương tức là nhận chân sắc thái tình cảm nổi bật, nắm bắt “thần thái”, “phong cốt” toát lên trong toàn bộ thơ Nôm của tác giả, từ đó, nắm bắt được giá trị tư tưởng trong thơ bà.

Giọng điệu bao trùm trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương là giọng trữ tình đậm thắm. Đó là tiếng nói của con người yêu thiết tha sự sống, ý thức được bản ngã của mình và luôn khao khát khẳng định mình, khát vọng vượt lên mọi rào cản để sống cuộc đời hạnh phúc trọn vẹn đúng nghĩa. Hình tượng người phụ nữ vừa đậm thắm, tinh tú, vừa hóm hỉnh, sắc sảo, mạnh mẽ. Trên văn bản thơ, giọng điệu ấy được biểu hiện ở ba sắc thái nổi bật.

Thứ nhất, giọng u mua, giễu nhại. Đây là sắc thái giọng điệu độc đáo, nổi bật trong thơ Hồ Xuân Hương. Sắc giọng này xuất hiện ở 36/41 bài thơ Nôm. U mua ("humor" trong tiếng Anh) là hài hước, chỉ "thiên hướng thích đùa cợt, chế nhạo"¹⁾. Hài hước là một nội dung của cái hài, là tiếng cười khai thác những mâu thuẫn bên ngoài của sự vật, tạo nên tiếng cười vui đùa, nhẹ nhàng, thoải mái. Thơ Hồ Xuân Hương đầy âm vang tiếng cười - tiếng cười hồn nhiên, hóm hỉnh, nghịch ngợm. Tiếng cười này gắn với giọng đùa vui, hài hước ở nhiều bài thơ, đặc biệt là ở những bài vịnh vật, vịnh cảnh, vịnh việc. Yếu tố tục được bà sử dụng như một phương tiện nghệ thuật gây cười, tạo giọng u mua, hài hước. Tính chất gheo đùa trong sinh hoạt văn hóa dân gian đã đi vào thơ bà, tạo một không khí vui vẻ, suồng sã của hội hè, của đồ tục giảng thanh, truyện cười, truyện trạng, truyện tiểu lâm,... Nhưng nếu ở văn học dân gian, cái tục được nói một cách trực tiếp, hết sức tự nhiên chỉ nhằm gây cười vui vẻ, sảng khoái thì trong thơ Xuân Hương lại được nói gián tiếp qua tư duy liên tưởng và những biểu tượng hai mặt làm cho giọng thơ là giọng gheo đùa, hồn nhiên, nghịch ngợm mà vẫn ý nhị, kín đáo.

Giọng điệu u mua hài hước toát lên từ toàn bộ cấu trúc ngôn từ được tổ chức khéo léo gợi liên tưởng của bài thơ, đặc biệt nổi rõ ở câu kết thường là một câu hỏi mát hoặc là lời bình luận của tác giả. Ở nhiều bài thơ, người đọc luôn đứng trước những biểu tượng hai mặt: nghĩa trực trần kỳ sự ở đầu đề và nghĩa ngầm ẩn của bài thơ, nghĩa thanh và nghĩa tục. Hai nghĩa này "xoắn luyến" (Đỗ Lai Thúy) vào nhau không thể tách ra được. Chúng không chết cứng như hai mặt của một tờ giấy mà ở trạng thái hòa quyện, thanh mà tục, tục mà thanh. Điều thú vị là càng miêu tả chính xác, cụ thể sự vật, sự việc bao nhiêu thì nghĩa thứ hai, nghĩa ngầm lại càng rõ nét bấy nhiêu. Chẳng hạn rõ ràng là tả giếng nước, cái quạt, tả công việc tát nước, dẹt cửi đây nhưng người đọc vẫn buộc phải liên tưởng đến sinh thực khí của đàn ông, đàn bà và hoạt động tính giao. Sự lấp lửng hai mặt ở đây tạo nên giọng cười tinh quái, sắc sảo, ỡm ờ nước đôi. Trong bài *Vịnh quạt I*, sự miêu tả rất tỉ mỉ, chính xác: nan quạt, lỗ xâu, giấy phát nhựa cây, động tác dùng quạt: chành ra, khép lại, tác dụng của quạt:

1. G.N. Pospelov, *Dẫn luận nghiên cứu văn học* (Trần Đình Sử dịch), Nxb Văn học, Hà Nội, 1998, tr.178.

che mưa, quạt mát,... Càng đọc, hình ảnh cái quạt càng được miêu tả trọn vẹn, nhưng nghĩa ngầm càng hiện rõ. Tiếng cười ngày càng đậm nét: từ nụ cười hóm hình đến nghịch ngợm, tinh quái và cuối cùng bật lên khúc khích. Những từ lấp láy "xấu xấu, phi phách" gợi hình ảnh âm thanh khác lạ. Sự láy âm tạo sắc thái giọng nói tinh nghịch.

Giọng u mua hài hước còn được hỗ trợ bởi một loạt biện pháp từ ngữ: chơi chữ, nói lái, gieo vần oái ăm, dùng nhiều động từ, tính từ, từ lấp láy,... Ở những bài thơ chơi chữ, nói lái, vận dụng tục ngữ, ca dao tiểu lâm, giọng điệu có phần cợt nhả, suồng sã, táo bạo hơn (*Quán Khánh, Kiếp tu hành, Tắt nước,...*). Một số bài thơ khác, giọng thơ trữ tình đậm thắm nhưng vẫn ẩn đằng sau một nụ cười hóm hình nhẹ nhàng (*Mời trầu, Bánh trôi nước, Thiếu nữ ngủ ngày, Thân phận người đàn bà,...*). Điều này thực sự là sự đổi mới so với thơ các tác giả trước đó.

Ở nhiều bài thơ, giọng u mua hài hước gắn liền với sắc thái bỡn cợt, giễu nhại như thơ vịnh người, những bài thơ ứng đối. Ở đây xuất hiện tiếng cười nhạo rất đặc trưng, thể hiện ở nhiều âm sắc khác nhau. Trong bài *Bờn bà lang khóc chồng*, Hồ Xuân Hương mượn giọng nhân vật như một hình thức nhại giọng để thực hiện sự bỡn cợt nhẹ nhàng. Tiếng khóc chồng là khóc tí ti. Từ vận i - nguyên âm hẹp diễn tả âm thanh tiếng khóc lạ: tiếng khóc gì? Lại còn nhại giọng khóc của bà lang: *Ngọt bùi thiếp nhớ mùi cam thảo, Cay đắng chàng ơi vị quế chi!... Dao cầu thiếp biết trao ai nhẽ, Sinh ký, chàng ơi, tử tắc quy!* Bút pháp chơi chữ gợi liên tưởng tới một sự vật khác: *thạch nhũ, trần bì, quy thân, liên nhục* (các từ này đều có một từ tố chỉ một bộ phận của con người: nhũ - vú, bì - da, thân - thân, nhục - thịt) tạo giọng giễu cợt, hóm hình nhẹ nhàng: bà lang đang khóc chồng chết mà đã nghĩ đến chuyện "qua đờ": "Của anh anh mang, của nàng nàng xách" (ca dao). Cả bài thơ là một giọng bỡn. Trong các bài thơ *Sự dờ dang, Đỡ người đàn bà khóc chồng chết*, thái độ chính ở đây là bênh vực, cảm thông, là "dỡ", nhân nhủ nhưng vẫn là giọng bỡn cợt hóm hình. Ngay cả khi khóc chồng chết, một thời điểm bi quan và nghiêm trọng nhưng giọng thơ cứ "nhẹ bẫng" (Đỗ Lai Thúy) (*Khóc ông phú Vinh Tường*), hài hước, giễu nhại (*Khóc Tống Cốc*).

Học trò dốt, quân tử, nhà sư là những đối tượng Hồ Xuân Hương tỏ thái độ táo bạo hơn cả. Ở đây, giọng điệu không còn bỡn cợt nhẹ nhàng mà là chế giễu mỉa mai, nhạo báng suồng sã. Xuân Hương dám xung chi và gọi học trò, quân tử một cách xách mé: *lũ ngẩn ngơ, phường tòi lỏi, anh đồ tinh, anh đồ say* (*Mắng học trò I, II; Trách Chiêu Hổ*). Đằng sau không khí vờ thân mật là thái độ khinh thường, mỉa mai:

Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ

Lại đây cho chị dạy làm thơ.

(Mắng học trò I)

Cùng đời học mới mới không nên.

(Măng học trò II)

Xuân Hương đe nẹt nghiêm khắc:

Muốn sống đem với quét trừ đèn.

(Măng học trò II)

Hồ Xuân Hương còn đặt nhà chùa, nhà sư là những hình ảnh thiêng bên cạnh các tục: bộ phận sinh dục và hành động tính giao - những điều tối kị trong quan niệm của Phật giáo. Đó là một cách hạ bệ giải thiêng nghịch ngợm, tinh quái. Giọng điệu, ngữ điệu thể hiện rất rõ qua câu hỏi, hư từ, tiểu từ tinh thái,... Hồ Xuân Hương giễu nhại bằng giọng tán dương vờ vĩnh: *Tu lâu có lẽ lên sư cụ. Ngát ngào tòa sen nọ đồ mi (Sư hổ mang)*; hỏi một cách thân mật nhưng thực chất là sự giả giọng: *Nào nòn tu là, nào mù thâm, Đi đâu chẳng đội để ong châm?* (Sư bị ong châm). Giọng châm chọc suồng sã gắn với lối nói dân gian thể hiện bằng biện pháp nói lái tạo ra yếu tố "tục", vận dụng tục ngữ, ca dao tiểu lâm, từ lấp láy, gieo vần oái ăm, bằng ngôn ngữ đời sống hằng ngày đầy ngữ điệu nói và sắc thái biểu cảm (*Kiếp tu hành, Chùa Quán sứ, Sư hổ mang*). Tiếng cười giễu nhại tuy có lúc mĩa mai châm chọc, nhạo báng suồng sã nhưng bao trùm lên tất cả là một không khí đùa cợt, hài hước. Giọng thơ khác với giọng châm biếm tuy nhẹ nhàng mà thâm thúy của Tam Nguyên Yên Đổ, hay tiếng cười cay độc, tiếng cười "trúc nhào đối tượng" của Tú Xương. Ở đây không phải là đã kích giai cấp hay phê phán tôn giáo. Dù có sắc thái giọng điệu này nhưng nhìn trên tổng thể, không nên xem Hồ Xuân Hương là một nhà thơ trào phúng.

Thứ hai: giọng khẳng định quyền uy. Thơ Hồ Xuân Hương có tiếng cười u mua, giễu nhại, có khi mĩa mai nhưng tiếng nói cơ bản trong thơ bà là tiếng nói khẳng định. Đứng cao hơn đối tượng, giễu học trò, quân tử,... là một cách để khẳng định bản lĩnh của mình; phủ định sự trái ngược tự nhiên của sư sãi là nhằm khẳng định triết lý tự nhiên.

Ở những bài có giọng khẳng định quyền uy, chủ thể trữ tình xuất hiện ở tư thế bề trên, tự xưng là "chị", xưng một cách xách mé: "đây, thân này", gọi đối tượng một cách xách mé; nhìn một cách khinh thị; dám mắng, trách, bõn, đe dọa, thách thức đối tượng (*Mời trâu, Măng học trò I, II; Trách Chiêu Hồ; Đề đền Sầm Nghi Đống; Quán Khánh*). Sắc giọng này còn thể hiện ở việc dùng thể thức sai khiến: "đừng, xin đừng" (*Mời trâu, Con ốc nhồi*). Những mệnh đề này tạo giọng sai khiến quyền uy. Thơ bà cũng xuất hiện nhiều lời nhấn nhủ, lời dỗ: "Nhấn nhủ ai về thương lấy với" (*Trống thung*), "Ai về nhấn nhủ đàn em bé" (*Đỗ người đàn bà khóc chồng chết*), "Ai về nhấn

nhỏ phượng lời tôi" (*Mãng học trò II*). Đó là thái độ của một con người đứng cao hơn đối tượng, tự tin, kiêu hãnh về bản lĩnh của mình.

Tiêu biểu cho những bài thơ có giọng điệu quyền uy là bài *Đề đền Sâm Nghi Đông*. Vẻ thế "cheo leo" của đền thờ vị thần vốn là tương giác bị từ trần trong tư thế đối phận làm trai được. Thi sự anh hùng há bấy nhiêu") tạo cho bài thơ giọng mỉa mai, khinh miệt, thách thức, ngạo nghễ đầy quyền uy. Ở những bài thơ này, giọng điệu thể hiện tư tưởng nữ quyền hiện đại: người phụ nữ nhỏ bé dám vượt lên phận vị, định kiến về giới của xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, khẳng định giá trị, bản lĩnh và khao khát cống hiến cho cuộc đời, dám sánh ngang và thậm chí vượt lên trên cả đấng "tu mi nam tử". Có thể thấy, đây là tư tưởng tiến bộ, thể hiện khát vọng và ý thức bình đẳng giới mà thậm chí nhiều người phụ nữ hiện đại ngày nay chưa có được. Nhưng nó đã xuất hiện như một điểm sáng trong tư tưởng của một người phụ nữ ở thế kỷ XVIII trong xã hội cũ.

Giọng khẳng định quyền uy trong thơ Hồ Xuân Hương còn thể hiện ở thái độ khẳng định, đề cao và niềm kiêu hãnh về người phụ nữ. Hình ảnh người phụ nữ mang vẻ đẹp thanh tân, trong sáng, trinh nguyên đang ở vào thời điểm phát triển đẹp nhất được miêu tả ở nhiều bài thơ với giọng tán dương (*Thiếu nữ ngủ ngày*, *Tranh tố nữ*, *Cái giếng*). Trong bài *Bánh trôi nước*, người phụ nữ tự khẳng định vẻ đẹp của mình. Giọng thơ trữ tình đậm thắm, tự tin, tự hào: "Thân em vừa trắng lại vừa tròn. Mà em vẫn giữ tấm lòng son". Cách dùng hư từ "vừa, lại vừa, mà vẫn" làm tăng tính chất khẳng định. Ở bài *Thân phận người đàn bà*, bên ngoài là lời ca thán, than thân nhưng bên trong là giọng đùa vui và ngợi ca tự hào bởi thiên chức to lớn của người đàn bà. Chính vì thế mà Xuân Diệu gọi một cách tôn kính là "Bà mẹ tạo vật".

Ngợi ca, kiêu hãnh về vẻ đẹp của người phụ nữ, Hồ Xuân Hương đặt họ cạnh đấng mày râu, quân tử để so sánh. Trong quan niệm phong kiến, quân tử, vua, chúa là những giá trị cao quý nhất. Trong thơ nữ sĩ, người phụ nữ, bộ phận kín trên cơ thể họ lại được đặt lên trên, bên cạnh những nhân vật đó (*Cái quạt I, II*; *Thiếu nữ ngủ ngày*; *Đèo Ba Dội*). Giọng thơ ở đây có phần bỡn cợt nhưng cái đích mà bài thơ hướng tới là sự khẳng định ngợi ca vẻ đẹp thể chất và vẻ đẹp tinh thần của người phụ nữ. Có khi sự khẳng định gắn với thái độ kiêu hãnh, ngạo nghễ: "Mát mặt anh hùng khi tắt gió, Che đầu quân tử lúc sa mưa". Bằng nghệ thuật đòn bẩy, vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ được nâng lên tầm cao.

Đả phá quan niệm nam tôn nữ ti, tự hào kiêu hãnh về giới nữ nhưng sự khẳng định trong thơ Hồ Xuân Hương cũng khác với thái độ ngang tàng của Nguyễn Công Trứ.

Hai nhà thơ tài tử cùng thời đó đều ý thức sâu sắc bản ngã của mình, cùng nổi loạn chống lại số phận và vượt thoát khỏi vòng cương tỏa của lễ giáo phong kiến. Nhưng ở thơ Nguyễn Công Trứ là hình ảnh một con người kiêu bạc “đọc ngang nào biết trên đầu có ai” (Nguyễn Du). Giọng điệu thơ ông được xây dựng trên cơ sở cá tính ngông, một giọng điệu “kháng khái, ngang tàng, ngạo nghễ, khinh bạc, thách thức”⁽¹⁾. Hồ Xuân Hương chế giễu nhiều quan niệm nhân sinh của xã hội phong kiến bằng cách trở về với cội nguồn, với tự nhiên, với những giá trị tồn tại trong cảm thức cộng đồng và trong bản tính hồn nhiên của mỗi người. Triết lý tự nhiên đã trở thành nền tảng ý thức, đem lại nguồn sống mới trong thơ bà. Vì vậy, giọng thơ là giọng khẳng định đầy quyền uy của một con người lạc quan, yêu đời và tìm được nguồn sống cho mình. Thể hiện ý thức nữ quyền, nhưng thơ bà vẫn mang nguồn sống rào rạt, đầy nữ tính, gắn với hình ảnh người phụ nữ đẹp đằm thắm, tự tin, bản lĩnh đầy sức lôi cuốn.

Thơ Hồ Xuân Hương, bên cạnh tiếng cười hài hước và ý thức khẳng định mạnh mẽ còn là tiếng nói khát khao cháy bỏng. Chúng không hề mâu thuẫn mà thống nhất như những âm sắc khác nhau trong cùng giọng nói của một con người. Con người yêu đời, yêu sự sống nên thiết tha với sự sống. Khát vọng sống ý nghĩa và nỗ lực thoả mãn khát vọng ấy cũng là một biểu hiện của sự khẳng định ý thức cá nhân. Như vậy, một sắc thái khác trong thơ bà là giọng nổi loạn khát khao. Đây là tiếng nói bên trong cất lên từ nội tâm tác giả. Nó biểu hiện rõ nhất bản chất trữ tình đằm thắm của con người nữ sĩ.

Có người gọi bà là “nhà thơ của sự sống”, “bao giờ cũng nồng cháy bên trong một tấm lòng thiết tha vô hạn với cuộc sống”⁽²⁾. Sự sống đẹp đẽ nhất trong con mắt nữ sĩ chính là hạnh phúc tình yêu trần thế. Vì vậy, khát vọng sự sống đồng nghĩa với khát vọng thoả mãn nhu cầu tình cảm tự nhiên của con người trần tục. Sắc giọng này thể hiện ở sự khẳng định nhu cầu tình yêu nhục cảm như một lẽ tất yếu, một nhu cầu tự nhiên, đương nhiên, công khai (*Đá Ông Chồng Bà Chồng, Đèo Ba Dội, Chơi đài Khán Xuân*); ở lời mời mọc, nhắc nhủ, khuyến khích mọi người (*Một cảnh chùa, Mời trầu, Cái giếng*); ở những motif nghệ thuật đầy ám ảnh: hình ảnh cơ thể người phụ nữ và sinh hoạt buồng khuê, hình ảnh người thanh nữ với vẻ đẹp căng tròn ở thời kỳ phát triển đến độ chín, chỉ cần một yếu tố nữa là vượt ngưỡng và đang trong tư thế mong chờ để vượt ngưỡng (*Tranh tố nữ, Cái giếng, Thiếu nữ ngủ ngày, Mời trầu,...*).

Khát khao, chờ mong, mời gọi, nhắc nhủ, trách móc nhưng dường như không có sự đáp lại nên giọng thơ thành ra bực dọc, ngán ngẩm, chua xót, uất hận (*Mời trầu,*

1. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.191.
2. Lê Trí Viễn, *Nghĩ về thơ Hồ Xuân Hương*, Nxb Giáo dục, 1996, tr.24.

Tự tình, Làm lẽ, Hối trắng). Ở bài *Mời trầu*, giọng thơ trữ tình ẩn chứa nỗi chua xót trước sự bạc bẽo: “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Buồn ngao ngán là âm điệu chung của bài *Tự tình III*. Văn *ên* gợi sự nổi nênh, không ổn định cùng một loạt từ ngữ cùng chi nổi chán ngán: “buồn, ngao ngán, ngán nổi, mặc ai, thấy kẻ, cam lòng vậy, tấp tênh...” làm cho giọng điệu bài thơ nổi rõ. Từ nỗi chua xót, ngán ngẩm, âm điệu cảm xúc đã được đẩy lên thành oán hận, thâm sâu (*Tự tình I*). Bài thơ sử dụng hư từ tạo ngữ điệu hồi chi chiết: “không mà cũng, chẳng có sao”. Ở đây, âm thanh tiếng mõ, tiếng chuông đã trở thành âm điệu cảm xúc thâm sâu vang lên một nỗi đau xót, uất hận vì “duyên để mồm mòm”. Nhiều từ ngữ, điều nói, lời chửi trong đời sống hằng ngày đi vào thơ bà làm nổi rõ sắc thái tâm trạng bức dọc, thách thức, nổi loạn: “ghét mặt, ngứa gan, chém cha, thân này đâu đã chịu, xiên ngang mặt đất, đâm toạc chân mây” (*Vịnh trắng I, Làm lẽ, Tự tình II*). Ở sắc giọng này, chúng ta lại bắt gặp một motif nghệ thuật độc đáo, motif lỡ duyên. Một loạt những hình ảnh biểu thị sự “lỡ duyên” trong thơ bà: “duyên mồm mòm, trái trăng thu chín mồm mòm, đêm vắng... phôi tuyết trắng, ngày xanh... tạnh lòng son, trơ cái hồng nhan, vàng trắng bóng xé khuyết chưa tròn...”. Ở đây tất cả đều “nửa vời, nửa đoạn, dang dở, thiếu thốn”⁽¹⁾, đơn chiếc, trơ trọi, vô duyên, quá lứa... Với motif này, tâm trạng cô đơn, trống trải, đau buồn, day dứt, khắc khoải được cụ thể hóa, hình tượng hóa thành những biểu tượng âm ảnh. Trong chùm thơ *Tự tình* xuất hiện một hình ảnh âm thanh rất đáng lưu ý: âm thanh vắng vắng. Đặc biệt âm thanh này vang lên độc đáo trong bài *Tự tình I*. Toàn bộ bài thơ với cách phối âm, phối thanh, phối nhịp tạo một cảm giác gò bó, bức bối: Từ vận “om” diễn tả âm thanh như bị “hom” lại, dồn lại, nén chặt, một loạt thanh trắc (oán, hận, khắp, mọi, mõ, thâm, cũng, cóc, chẳng, đánh, giận) làm cho âm điệu thơ nhấn xuống, dồn chặt hơn; tiếng mõ thì khô khốc (*cóc*), tiếng chuông cũng bị *om* lại. Chỉ có một âm thanh vang lên đó là tiếng gà văng vẳng - một thứ âm thanh bị dồn nén mà phải bung ra, nhưng không bung ra một lúc mà day dứt. Đỗ Lai Thúy bình về hình ảnh này rất hay: “văng vẳng là âm thanh ở xa vọng đến, từ một không gian xa xôi nào đó. Có thể là từ tiềm thức vọng lên. Đó là tiếng nói bên trong, tiếng nói của buồn rầu, của oán hận và cuối cùng là sự vùng lên thách thức số phận”⁽²⁾. Ở đây không còn là âm thanh tiếng gà, tiếng trống nữa mà trở thành một hình tượng giọng điệu day dứt, khắc khoải và ám ảnh về nỗi khát vọng hạnh phúc không thành.

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ thực sự tài năng. Bà sống và sáng tác trong hoàn cảnh chế độ phong kiến, khi mà vương quyền, thần quyền, nam quyền,... cùng nhau đè nén áp bức con người, nhất là với “phận đàn bà”. Thời kỳ bà sống là thời kỳ nhiều

1. Nhiều tác giả, *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1997, tr.173.

2. Đỗ Lai Thúy, *Hồ Xuân Hương, hoài niệm phồn thực*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.269.

giá trị phong kiến bị lung lay, nhiều giá trị của văn hóa dân gian được khẳng định. "Hoàn cảnh lớn" và "hoàn cảnh nhỏ" đó tương tác khiến ở bà thực sự có một nhân quan mới về đời sống như là sự đối trọng lại nhân quan phong kiến. Đó chính là nguồn gốc sâu xa của giọng điệu thơ Hồ Xuân Hương.

Thơ Hồ Xuân Hương là một không gian thẩm mỹ nhiều chiều, đa sắc điệu nhưng thống nhất chung trong cảm hứng khẳng định và khao khát sự sống tự nhiên. Trong sáng tác của mình, bà đã tạo nên một chiều kích mới cho thơ. Đó là sự phá vỡ khuôn sáo giả dối, phi tự nhiên để trở về với cuộc sống tự nhiên, những tình cảm tự nhiên của con người trần thế. Đó là sự vươn lên giải phóng bản ngã, khẳng định giá trị và khát khao cuộc sống ý nghĩa của người phụ nữ. Giá trị nhân văn, nhân bản sâu sắc và tư tưởng hiện đại trong thơ bà chính là ở chỗ đó.

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN
37B - Lê Hồng Phong - TP. Vinh - Nghệ An
Giám đốc, Tổng biên tập: 0238.3844748 - 0983.524134
Văn phòng: 0238.3840560
Email: nxbnghean@gmail.com

Nữ sĩ

HỒ XUÂN HƯƠNG (1772 - 1822)
DANH NHÂN VĂN HÓA VÀ GIÁ TRỊ DI SẢN

(THAM LUẬN)

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

1

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:

Giám đốc, Tổng biên tập ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập:

ThS. Bùi Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Ngọc

ThS. Phạm Thị Hằng, Phạm Ngọc Chi

Trình bày bìa, chế bản:

Mai Hồng, Mỹ Hạnh

Sửa bản in:

Ngọc Chi, Phạm Hằng, Thanh Yên

Đối tác liên kết:

Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An

ISBN: 978-604-376-186-3

In 400 cuốn, khổ 19x27cm. In tại Công ty TNHH in Hòa Nhơn, số 6/6 Lê Khôi,
Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An. Đăng ký xuất bản số 4220-2022/CXBIPH/03-70/NA.
Quyết định xuất bản số: 174/QĐ-NXBNA, cấp ngày 25 tháng 11 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2022